

NHÂN VẬT HUYỀN QUANG TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

ĐỖ THỊ THU THUY

Tóm tắt

Dưới góc độ văn học, bài viết tìm hiểu về nhân vật Huyền Quang với tư cách là đối tượng được phản ánh (nhân vật/hình tượng văn học) trong một số sáng tác tiêu biểu của văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại. Qua các tác phẩm này người viết phát hiện ra một điều thú vị: tuy cùng một đối tượng nhưng ở mỗi truyện nhân vật Huyền Quang được miêu tả, phản ánh ở những phương diện khác nhau, thậm chí đối lập nhau dẫn đến sự khác biệt không chỉ ở hình tượng nhân vật mà còn ở tư tưởng, chủ đề cũng như những đặc điểm nghệ thuật khác. Ở truyện thứ nhất (Tổ gia thực lục) nhân vật được khai thác ở khía cạnh đạo đức tôn giáo với cảm hứng ngợi ca, sùng bái đạo Phật. Ở truyện thứ 2 (Su chùa núi Yên Tử) nhân vật được khai thác ở khía cạnh đời thường (ham muốn trần tục) với cảm hứng đề cao niềm vui trần thế. Sự khác biệt này vừa tạo nên một chân dung đầy đủ về thiền sư ở nhiều góc nhìn, tiếp cận phong phú vừa phản ánh phần nào qui luật vận động theo xu hướng ngày càng gắn bó với hiện thực đời sống của văn học nói chung, văn xuôi tự sự nói riêng thời trung đại.

Huyền Quang (1254 - 1334) là một trong những nhân vật tiêu biểu của văn hoá Việt Nam thời trung đại. Ông là vị tổ thứ ba của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời là một trong những nhà thơ khá tiêu biểu của văn học đời Trần (tác giả của *Ngọc Tiên tập*, *Vịnh Hoa Yên tự phú*...). Sự xuất hiện của Huyền Quang trong khoảng nửa cuối thế kỷ XIII - nửa đầu thế kỷ XIV với nhiều giai thoại đậm chất thế tục tựa như một nét nhân sinh động, điểm tô cho nền văn hoá thời Trần vốn đã vô cùng rực rỡ, cũng là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp tâm hồn và cốt cách của con người Đại Việt đương thời. Chính vì vậy nhân vật *Huyền Quang* đã trở thành đối tượng miêu tả, phản ánh của nhiều sáng tác văn chương, đặc biệt là văn xuôi tự sự với những khám phá, lý giải riêng hết sức thú vị và độc đáo. Sự khác biệt đó không chỉ làm phong phú thêm hình ảnh về một vị thiền sư vốn đã quá nổi tiếng trong đời sống văn hoá trung đại mà còn là một trong những cơ sở giúp chúng ta hình dung phần nào hành trình vận động, phát triển của văn xuôi tự sự nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung với những dịch chuyển từ tư tưởng - chủ đề đến những đặc trưng nghệ thuật, biểu hiện qua *cách nhìn, cách lý giải và cách mô tả về nhân vật*.

Huyền Quang xuất hiện và được giới thiệu đầu tiên trong truyện *Tổ gia thực lục* (thuộc thiên thứ nhất sách *Tam tổ thực lục*). Thoạt nhìn thì *Tổ gia thực lục* có vẻ như vẫn thuộc loại hình *văn học chức năng*. Ngay từ nhan đề tác phẩm, người viết đã chỉ rõ

việc lựa chọn cách kể chuyện quen thuộc theo lối chép sử biên niên (thực lục). Dĩ nhiên bên trong hình thức “biên niên” đó tất phải chứa đựng một nội dung “nghiêm chỉnh”, thậm chí trong khuôn khổ của sự trang trọng. Đặc biệt, tính chất chức năng thể hiện rõ hơn ở cấu trúc tác phẩm, ở nguyên tắc xây dựng nhân vật cùng ý đồ tư tưởng và cảm hứng của người viết. Chẳng hạn về cấu trúc, tác giả vẫn triển khai cốt truyện dựa trên hành trạng nhân vật với ba phần rõ rệt: nguồn gốc lai lịch, quá trình tu luyện Phật pháp và viên tịch. Nhân vật vẫn được xây dựng bằng phương thức *huyền thoại hoá* thông qua nhiều mô típ và tình tiết đậm màu sắc hoang đường, kỳ ảo được tác giả tiếp nhận và kế thừa từ văn xuôi tự sự dân gian. Nội dung cơ bản của *Tổ gia thực lục* cũng vẫn xoay quanh những triết lý Phật giáo với cảm hứng bao trùm là ngợi ca, ngưỡng vọng.

Tuy nhiên so với các tiểu truyện về thiền sư trong tập *Thiền uyển tập anh* (xuất hiện vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIV) thì *Tổ gia thực lục* đã thể hiện những phẩm chất nghệ thuật đáng kể từ cách thức kể chuyện đến khả năng miêu tả, tái hiện nhân vật... So sánh với hai truyện còn lại trong *Tam tổ thực lục* (viết về Trần Nhân Tông và Pháp Loa), nhóm biên soạn cuốn *Thơ văn Lý Trần* cũng nhận xét: “trong ba truyện về ba ông tổ, truyện *Huyền Quang* viết điêu luyện hơn cả. Ngòi bút nửa thực nửa hư, dẫn dắt tình tiết khéo léo, dựng lên những nhân vật vừa có màu sắc lịch sử, vừa huyền thoại hóa” (1). Quả thật trong thiên truyện này tác giả đã nỗ lực bổ sung, sáng tạo nhiều chi tiết mới xoay quanh cuộc đời, hành trạng, giới hạnh của thiền sư từ đó tạo nên một cốt truyện hết sức phong phú. Đặc biệt trong số đó có những chi tiết đậm màu sắc tục xuất hiện bên cạnh những chi tiết hoang đường thường thấy ở kiểu truyện này đã khiến cho câu chuyện bên cạnh vẻ kỳ bí linh thiêng có thêm sự sinh động, tươi mới. Mặt khác nó đã góp phần hé mở phần nào tính cách và nội tâm nhân vật. Chi tiết vua Trần sai cung nữ Điềm Bích dùng kế mỹ nhân thử giới hạnh của Huyền Quang là một ví dụ tiêu biểu. Đây có thể là một chi tiết có thực, hoặc cũng có thể chỉ là một trong nhiều giai thoại thú vị về Huyền Quang vẫn được người đời truyền tụng. Song việc người viết lựa chọn, rồi sắp đặt, dặt dắn nó để tạo nên một cốt truyện với những diễn biến hấp dẫn, nhiều khi ly kỳ, gay cấn mà vẫn hài hoà, “hò ứng”, liên kết với các tình tiết khác của câu chuyện đã thể hiện dụng công cũng như khả năng hư cấu nghệ thuật của tác giả. Bởi lẽ ở câu chuyện này con người Huyền Quang dường như đã mang sẵn tính Phật ngay từ lúc tượng hình trong bụng mẹ cho tới lúc xuất sinh: “Ngày sư tổ ra đời, có ánh hào quang rực rỡ, hương thơm tỏa ngào ngạt, người ta gọi ngài là Thanh Tịnh Hương hài đồng...” (2). Đến khi lớn lên, trưởng thành lại “giác ngộ được tiền duyên”, quyết từ bỏ tất cả vinh hoa phú quý, một lòng thành tâm hướng Phật. Sư đã từng đỗ đại khoa từ năm 20 tuổi, được triều đình bổ vào làm việc ở Viện Hàn lâm, chuyên tiếp đón Bắc sứ nhưng sau đó “nhiều lần dâng biểu xin từ chức, muốn được xuất gia tu hành học đạo” (3) cuối cùng trở thành một vị thánh tăng “tinh thông thánh đạo, các tăng ni theo học có tới ngàn người” (4). Với một lai lịch và hành trạng “tuyệt đối trong sạch” như vậy thì thất bại của Thị Bích là điều hoàn toàn có thể hiểu được cho dù nàng là người có nhan sắc tuyệt trần, lại hay “đùa mây cợt gió” trước mặt sư. Chính giới hạnh nghiêm mật và uy nghi lồng lộng đó của sư đã cảm hoá được cả trời đất “Ngài bước lên đàn ba lần, bước xuống đàn ba lần, rồi đứng yên giữa đàn một mình, vọng bái hiền thánh mười phương, tay phải cầm bình ngọc trắng, tay trái cầm cành liễu xanh, miệng

lâm râm niệm chú...bỗng một đám mây đen hiện ra ở phương Nam, gió thổi cát bụi tung bay mờ mịt bầu trời, một lát thì tan hết; tất cả các tạp vật đều bay đi, chỉ còn lại đèn nhang của sáu lễ...”(5). Rõ ràng trong suốt thiên truyện này nhân vật Huyền Quang đã được tác giả dụng công miêu tả, trở thành biểu tượng của một nhân cách Thiền với tấm lòng nhân hậu, tâm hồn trong sáng, Phật pháp cao siêu, một bậc danh cao đức trọng đáng cho những người học Phật noi theo. Chính sự xuất hiện của tình huống “có vấn đề” này đã tạo nên ở cốt truyện những trường đoạn ly kỳ, gay cấn, hấp dẫn, hơn thế là một “cơ hội” để nhân vật tự bộc lộ về bản thân một cách tự nhiên đầy sức thuyết phục. *Tổ gia thực lục* nhờ thế đã nhạt bớt tính chất chức năng mà đậm đà yếu tố nghệ thuật.

Khoảng gần 4 thế kỷ sau, tức là vào quãng những năm nửa đầu thế kỷ XVIII xuất hiện một tác phẩm văn xuôi khá thú vị khác có tên là *Sơn cư tạp thuật*. Tác phẩm được coi là của Đan Sơn (hiện chưa rõ tên thực), người Lam Kiều, Hoàng Hoá (Thanh Hoá), sinh vào khoảng những năm 1737 – 1740, tác giả của *Tham khảo tạp ký*, *Đan Sơn thi tập* và *Sơn cư tạp thuật*. Đặc biệt trong 6 thiên của *Sơn cư tạp thuật* người ta thấy xuất hiện một thiên (tác giả cho đó là một trong hai truyện sưu tập thêm được của *Truyện kỳ mạn lục* nên còn gọi là *phụ truyện kỳ*) có tên là *Sư chùa núi Yên Tử*. Nội dung của câu chuyện này chủ yếu xoay quanh mối quan hệ giữa cung nữ Điềm Bích và thiền sư Huyền Quang đã trở thành giai thoại thú vị từng được đề cập trong *Tổ gia thực lục*. Tuy nhiên từ sự việc này, người viết đã tạo nên một câu chuyện với những diễn biến bất ngờ, từ đó truyền tải một thông điệp nghệ thuật mang tính triết lý nhân sinh sâu sắc. Hẳn người đọc vẫn còn nhớ ở trong truyện trước, khi đối diện với người cung nữ đang ở vào độ tuổi xuân sắc “*có cái vẻ nõn nà của Phi Yến, có cái thói khéo tài của Điêu Thuyền*”(6) trước sau Huyền Quang vẫn tỏ rõ cốt cách một vị tổ sư với tấm lòng trong sáng, Phật pháp cao siêu “*như nước chẳng gợn sóng, như gương chẳng bụi mờ*” buộc Điềm Bích phải bịa ra câu chuyện để lừa cả sư và vua, phạm tội khi quân, bị giáng xuống hàng cung nhân tầm thường còn thiền sư thì ung dung bước lên đàn tràng như một vị Bồ tát sống làm cả thần, người đều nể sợ. Thế nhưng ở truyện này, Huyền Quang vốn nổi tiếng là người có đức hạnh cao, được vua Trần vô cùng tôn kính, nể trọng vậy mà chỉ sau vài lần Điềm Bích “*quần lụa trễ xuống gần nửa, để lộ thịt da tuyết trắng*” thì lòng thiền xao động, lửa dục bùng lên dữ dội, “*chàng bèn lấy cả số vàng được nhà vua ban tặng đưa ra cho Thị Bích rồi thông dâm cùng nàng*”(7) Khi bị gọi về kinh đô, thấy đàn tràng căng toàn lụa vàng với ý mỉa mai, quở trách, Huyền Quang đã ứng khẩu đọc luôn một bài thơ tứ tuyệt như để bày tỏ tình cảnh trớ trêu của mình, đồng thời bộc lộ một tâm hồn đầy dằn vặt mâu thuẫn, khó nói của con người đầu tu đạo mà vẫn chưa dứt tình đời:

Ba sáu bản kinh lầu lầu thuộc

Sự tình này nên khóc hay cười?

Ba điều khó tránh ở đời

Rượu ngon, gái đẹp, thịt tươi béo giòn.(8)

Nếu chỉ căn cứ vào nội dung bài thơ trên cùng lời đàm tiếu của người đời ở phần kết truyện (cũng được thể hiện qua hình thức một bài thơ tứ tuyệt) thì có thể nhận ra sự tương đồng giữa câu chuyện này với một số truyện kể dân gian ở cùng mô típ viết về những vị sư tu hành nhưng chưa đắc đạo, nhanh chóng gục ngã trước cám dỗ của đời sống trần tục. Mỗi câu chuyện như vậy tựa như một bài học đạo lý, vừa bày tỏ thái độ phê phán, vừa ngụ ý răn dạy con người về tính kiên trì và lòng thành tâm hướng Phật. Tuy nhiên màu sắc trào phúng kết hợp với sắc điệu trữ tình của bài thơ ứng khẩu mà Huyền Quang dùng để “trần tình” trước đức vua tôn quý đã một lần nữa hé mở thế giới nội tâm nhân vật với nhiều mâu thuẫn, giằng xé, nhiều mơ ước và khát vọng tương như rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau trong cùng một con người. Với ý nghĩa đó tác phẩm truyện tải một khám phá của tác giả về con người cũng như về đời sống nhân sinh, trong đó có phần đề cao những ham muốn tự nhiên, trần thế. Câu chuyện phản ánh sự thắng thế của dục vọng trần tục trước những lý tưởng cao siêu mà xa vời, của phần đời với phần đạo. Sự thừa nhận nguyên nhân “thất bại” của Huyền Quang không chỉ nói lên thái độ dũng cảm của một người “dám làm dám chịu” mà còn là cách để *con người cá nhân* Huyền Quang lên tiếng như một đối chọi với *con người Thiên* cùng tồn tại trong ông. Cảm hứng bao trùm của câu chuyện, vì thế, là cảm hứng ngợi ca những niềm vui trần thế, là tiếng cười sáng khoái của tác giả khi phát hiện ra “gót chân Asin” của một thần tượng tôn giáo từng ngự trị nhiều thế kỷ với ý niệm cảm thông hơn là phê phán. Điều này cũng có nghĩa là qua 4 thế kỷ vận động, phát triển, có thể gần hơn là từ thế kỷ XVI (nếu đây đúng là một trong hai truyện mới tìm thấy của tập truyện kỳ lừng danh của Nguyễn Dữ), nền văn xuôi trung đại ít nhiều đã có những vận động khác trước, ngày càng hướng vào tiếp cận, miêu tả đời sống thực tại của con người với những buồn vui, ngang trái... Ở bình diện tư duy nghệ thuật, thay vì nguyên tắc miêu tả nhân vật theo lối *thần thánh hoá con người* trong văn học các thế kỷ trước là nguyên tắc *trần tục hoá thần thánh*, một kiểu *giải huyền thoại* nhằm *giải thiêng* các hiện tượng, câu chuyện, nhân vật vốn được coi là thần bí, lý tưởng trong quan niệm truyền thống, từ đó khám phá đời sống ở những chiều kích mới, phong phú, đa dạng nhưng chân thật, sinh động hơn. Điều này minh chứng cho xu thế vận động, phát triển của văn học trung đại nói chung, của văn xuôi tự sự nói riêng. Đó là quá trình dịch chuyển từ văn học chức năng, coi trọng mục đích truyền đạo, giáo huấn, hướng tới sáng tạo nghệ thuật đích thực, coi trọng việc miêu tả, khám phá và tái hiện một cách chân thực bức tranh về đời sống, về con người. Dĩ nhiên quá trình này còn thể hiện trên nhiều bình diện phong phú, phức tạp khác. Ở đây bài viết mới dừng lại khảo sát bình diện quan niệm và cách thức xây dựng nhân vật, hy vọng góp thêm tiếng nói khẳng định đặc điểm nổi bật này của nền văn học trung đại Việt Nam qua 10 thế kỷ vận động và phát triển.

Đ.T.T.T

Tài liệu tham khảo

1. Nhiều tác giả, *Thơ văn Lý – Trần* (tập 1), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.

2. Nguyễn Đăng Na, *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập 1, Nxb Giáo dục, 2001.

3. Bùi Duy Tân (chủ biên), *Hợp tuyển Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, 2004.